

Số: 89/2024/QĐST-DS

Tân Bình, ngày 12 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 403/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; Trụ sở: Số 442 đường N, Phường K, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Từ Tiến Ph1, năm sinh 1974; Chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn L, năm sinh 1999 là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền số 867/UQ-QLN.23 ngày 21 tháng 6 năm 2023.

Bị đơn: Ông Mai Bảo K, năm sinh 1975 và bà Nguyễn Ngọc Ph, năm sinh 1975; Cùng địa chỉ thường trú: Số 98/1 (số cũ 58/5) đường C, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Mai Bảo Ng, năm sinh 2005; Địa chỉ thường trú: Số 98/1 (số cũ 58/5) đường C, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Ngọc: Bà Nguyễn Ngọc Ph, năm sinh 1975; Địa chỉ thường trú: Số 98/1 (số cũ 58/5) đường C, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 20 tháng 12 năm 2023.

- Trẻ Mai Bảo Ng1, năm sinh 2012; Địa chỉ thường trú: Số 98/1 (số cũ 58/5) đường C, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của trẻ Nguyên: Ông Mai Bảo K, năm sinh 1975 và bà Nguyễn Ngọc Ph, năm sinh 1975; Cùng địa chỉ thường trú: Số 98/1 (số cũ 58/5) đường C, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Mai Bảo K và bà Nguyễn Ngọc Ph xác nhận tính đến ngày 04 tháng 3 năm 2024 còn nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 12.027.180.208 (Mười hai tỷ không trăm hai mươi bảy triệu một trăm tám mươi nghìn hai trăm lẻ tám) đồng, bao gồm: tiền nợ vốn 9.414.257.546 (Chín tỷ bốn trăm mười bốn triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi sáu) đồng; tiền lãi trong hạn 857.129.227 (Tám trăm năm mươi bảy triệu một trăm hai mươi chín nghìn hai trăm hai mươi bảy) đồng; tiền lãi quá hạn 1.655.066.230 (Một tỷ sáu trăm năm mươi lăm triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi) đồng; tiền phạt lãi chậm trả 100.727.205 (Một trăm triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm lẻ năm) đồng theo các hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng cấp tín dụng trung - dài hạn số 169469929 ngày 18 tháng 11 năm 2013 là 1.935.250.773 (Một tỷ chín trăm ba mươi lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn bảy trăm bảy mươi ba) đồng, trong đó: tiền nợ vốn 1.470.286.743 (Một tỷ bốn trăm bảy mươi triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi ba) đồng; tiền lãi trong hạn 161.069.122 (Một trăm sáu mươi một triệu không trăm sáu mươi chín nghìn một trăm hai mươi hai) đồng; tiền lãi quá hạn 303.894.908 (Ba trăm lẻ ba triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn chín trăm lẻ tám) đồng;

+ Hợp đồng cấp tín dụng số HCM.CN.520.210518 ngày 22 tháng 5 năm 2018 là 1.002.752.409 (Một tỷ không trăm lẻ hai triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm lẻ chín) đồng, trong đó: tiền nợ vốn 781.005.825 (Bảy trăm tám mươi một triệu không trăm lẻ năm nghìn tám trăm hai mươi lăm) đồng; tiền lãi trong hạn 75.115.179 (Bảy mươi lăm triệu một trăm mười lăm nghìn một trăm bảy mươi chín) đồng; tiền lãi quá hạn 135.866.119 (Một trăm ba mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm mười chín) đồng; tiền lãi phạt 10.765.286 (Mười triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm tám mươi sáu) đồng;

+ Hợp đồng cấp tín dụng số HCM.CN.2611.120619 ngày 14 tháng 6 năm 2019 là 1.591.660.514 (Một tỷ năm trăm chín mươi một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn năm trăm mười bốn) đồng; trong đó: Tiền nợ vốn 1.281.344.826 (Một tỷ hai trăm tám mươi một triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi sáu) đồng; tiền lãi trong hạn 119.473.703 (Một trăm mười chín triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm lẻ ba) đồng; tiền lãi quá hạn 174.613.976 (Một trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm mười ba nghìn chín trăm bảy mươi sáu) đồng; tiền lãi phạt 16.228.009 (Mười sáu triệu hai trăm hai mươi tám nghìn không trăm lẻ chín) đồng;

+ Hợp đồng cấp tín dụng số HCM.CN.1985.120220 ngày 19 tháng 02 năm 2020 là 344.658.961 (Ba trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn chín trăm sáu mươi một) đồng, trong đó: Tiền nợ vốn 268.565.428 (Hai trăm sáu mươi tám triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi tám) đồng; tiền lãi trong hạn 25.714.728 (Hai mươi lăm triệu bảy trăm mười bốn nghìn bảy trăm hai mươi tám) đồng; tiền lãi quá hạn là 46.676.620 (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi) đồng; tiền lãi phạt 3.702.185 (Ba triệu bảy trăm lẻ hai nghìn một trăm tám mươi lăm) đồng;

+ Hợp đồng cấp tín dụng số HCM.CN.2462.300720 ngày 03 tháng 8 năm 2020 là 688.651.456 (Sáu trăm tám mươi tám triệu sáu trăm năm mươi một nghìn bốn trăm năm mươi sáu) đồng, trong đó: Tiền nợ vốn 546.838.599 (Năm trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm ba mươi tám nghìn năm trăm chín mươi chín) đồng; tiền lãi trong hạn 43.131.420 (Bốn mươi ba triệu một trăm ba mươi một nghìn bốn trăm hai mươi) đồng; tiền lãi quá hạn 92.153.876 (Chín mươi hai triệu một trăm năm mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi sáu) đồng; tiền lãi phạt 6.527.561 (Sáu triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm sáu mươi một) đồng;

+ Hợp đồng cấp tín dụng số HCM.CN.2277.300720 ngày 06 tháng 8 năm 2020 là 2.231.880.831 (Hai tỷ hai trăm ba mươi một triệu tám trăm tám mươi nghìn tám trăm ba mươi một) đồng, trong đó: Tiền nợ vốn 1.748.025.340 (Một tỷ bảy trăm bốn mươi tám triệu không trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi) đồng; tiền lãi trong hạn 165.379.489 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi chín) đồng; tiền lãi quá hạn 294.402.769 (Hai trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm lẻ hai nghìn bảy trăm sáu mươi chín) đồng; tiền lãi phạt 24.073.233 (Hai mươi bốn triệu không trăm bảy mươi nghìn hai trăm ba mươi ba) đồng;

+ Hợp đồng cấp tín dụng số HCM.CN.2472.300720 ngày 06 tháng 8 năm 2020 là 3.409.367.629 (Ba tỷ bốn trăm lẻ chín triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi chín) đồng, trong đó: Tiền nợ vốn 2.667.630.738 (Hai tỷ sáu trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi nghìn bảy trăm ba mươi tám) đồng; tiền lãi trong hạn 254.797.481 đồng (Hai trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi một) đồng; tiền lãi quá hạn 449.965.054 (Bốn trăm bốn mươi chín triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm năm mươi bốn) đồng; tiền lãi phạt 36.974.356 (Ba mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn ba trăm năm mươi sáu) đồng;

+ Hợp đồng cấp tín dụng số HCM.CN.1917.160821 ngày 17 tháng 8 năm 2021 là 359.122.752 (Ba trăm năm mươi chín triệu một trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi hai) đồng, trong đó: Tiền nợ vốn 297.081.000 (Hai trăm chín mươi bảy triệu không trăm tám mươi một nghìn) đồng; tiền lãi trong hạn 12.448.105 (Mười hai triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn một trăm lẻ năm) đồng; tiền lãi quá hạn 47.137.072 (Bốn mươi bảy triệu một trăm ba mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi hai) đồng; tiền lãi phạt 2.456.575 (Hai triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm) đồng;

+ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 05 tháng 7 năm 2019 (Thẻ Express) là 189.038.321 (Một trăm tám mươi chín triệu không trăm ba mươi tám nghìn ba trăm hai mươi một) đồng, trong đó: Tiền nợ vốn 146.829.451 (Một trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi một) đồng; tiền lãi quá hạn 42.208.870 (Bốn mươi hai triệu hai trăm lẻ tám nghìn tám trăm bảy mươi) đồng;

+ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 19 tháng 02 năm 2020 (Thẻ VS Credit Platinum) là 204.973.266 (Hai trăm lẻ bốn triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi sáu) đồng, trong đó: Tiền nợ vốn 152.973.364 (Một trăm năm mươi hai triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi bốn) đồng; tiền lãi quá hạn 51.999.902 (Năm mươi một triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm lẻ hai) đồng;

+ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 19 tháng 02 năm 2020 (Thẻ Credit Express) là 69.823.296 (Sáu mươi chín triệu tám trăm hai mươi ba nghìn hai trăm chín mươi sáu) đồng, trong đó: Tiền nợ vốn 53.676.232 (Năm mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi hai) đồng; tiền lãi quá hạn 16.147.064 (Mười sáu triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi bốn) đồng;

2.2. Ông Mai Bảo K và bà Nguyễn Ngọc Ph có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền nợ nêu trên được chia thành 08 (Tám) đợt, cụ thể như sau:

- Đợt 1: Ngày 25 tháng 3 năm 2024 trả số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng;

- Đợt 2: Ngày 25 tháng 4 năm 2024 trả số tiền 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng;

- Đợt 3: Ngày 25 tháng 5 năm 2024 trả số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng;

- Đợt 4: Ngày 25 tháng 6 năm 2024 trả số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng;

- Đợt 5: Ngày 25 tháng 7 năm 2024 trả số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng;

- Đợt 6: Ngày 25 tháng 8 năm 2024 trả số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng;

- Đợt 7: Ngày 25 tháng 9 năm 2024 trả số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng;

- Đợt 8: Ngày 31 tháng 10 năm 2024 trả số tiền 6.027.180.208 (Sáu tỷ không trăm hai mươi triệu một trăm tám mươi nghìn hai trăm lẻ tám) đồng;

2.3. Nếu ông Mai Bảo K và bà Nguyễn Ngọc Ph vi phạm bất kỳ thời gian hoặc số tiền như đã thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền yêu cầu ông Mai Bảo K và bà Nguyễn Ngọc Ph trả toàn bộ số tiền còn nợ.

2.4. Kể từ ngày tiếp theo của hòa giải thành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi, phí, phạt phát sinh trên số tiền nợ vốn theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, bản các điều khoản và điều

kiện sử dụng thẻ tín dụng. Trường hợp các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

2.5. Ngay khi ông Mai Bảo K và bà Nguyễn Ngọc Ph trả hết tiền nợ vốn và tiền nợ lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có trách nhiệm trả lại:

- Bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 12592/2001 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05 tháng 7 năm 2001; Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số 8114-13/TB ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chi cục Thuế quận Tân Bình; Giấy phép xây dựng số 13.2255/GPXD ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân quận B; Văn bản số 55/QLĐT-VP ngày 07 tháng 3 năm 2014 v/v xác nhận số nhà của Phòng Quản lý Đô thị quận B tại thửa đất số 40 (số cũ 3098); tờ bản đồ số 62 (số cũ 2 (sơ đồ nền)) tại địa chỉ: số 98/1 (số cũ 58/5) đường C, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Mai Bảo K và bà Nguyễn Ngọc Ph theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: SGD.BĐCN.118.231213 ngày 23 tháng 12 năm 2013 và hợp đồng sửa đổi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: SGD.BĐCN.118.231213/SĐBS-01 ngày 07 tháng 3 năm 2014 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A với ông Mai Bảo K và bà Nguyễn Ngọc Ph.

- Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00597/27007 do Ủy ban Nhân dân quận B cấp ngày 01 tháng 7 năm 2005 tại thửa đất số 41; tờ bản đồ số 62 (BĐĐC) tại địa chỉ: số 98/3 đường C, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Mai Bảo K và bà Nguyễn Ngọc Ph theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số HCM.BĐCN.77.140820 ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A với ông Mai Bảo K và bà Nguyễn Ngọc Ph.

2.6. Trường hợp ông Mai Bảo K và bà Nguyễn Ngọc Ph không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là nhà và đất tại thửa đất số 40 (số cũ 3098); tờ bản đồ số 62 (số cũ 2 (sơ đồ nền)) tại địa chỉ: số 98/1 (số cũ 58/5) đường C, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 12592/2001 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05 tháng 7 năm 2001 và thửa đất số 41; tờ bản đồ số 62 (BĐĐC) tại địa chỉ: số 98/3 đường C, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00597/27007 do Ủy ban Nhân dân quận B cấp ngày 01 tháng 7 năm 20050 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Mai Bảo K và ông Nguyễn Ngọc Ph để thu hồi nợ.

Sau khi trừ các chi phí mà tài sản phát mãi không đủ trả nợ thì ông Mai Bảo K và bà Nguyễn Ngọc Ph phải trả tiếp cho đủ số nợ còn thiếu cho Ngân

hàng Thương mại Cổ phần A. Trường hợp tài sản phát mãi còn dư thì trả lại cho ông Mai Bảo K và bà Nguyễn Ngọc Ph.

2.7. Ông Mai Bảo K và bà Nguyễn Ngọc Ph có trách nhiệm hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

2.8. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Mai Bảo K và bà Nguyễn Ngọc Ph tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 60.013.590 (Sáu mươi triệu không trăm mười ba nghìn năm trăm chín mươi) đồng.

- Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí 59.144.231 (Năm mươi chín triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm ba mươi một) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0023751 ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát Nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Tuấn Nhu